| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC LINH**<br>TỈNH BÌNH THUẬN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Nguyễn Văn Thiện

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2025/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh Th, sinh năm 1989; Thường trú: Số nhà U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Số nhà U5, đường T5, tổ V5, thôn X5, xã Đ5, huyện Đ1, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số nhà U3, đường T3, tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

Chị Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Minh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Nguyễn T tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm thì đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà cha mẹ anh T tại thị thị trấn Đ4, huyện Đ1. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T đi uống rượu về rồi gây gổ với chị Th, sau đó đánh chị Th. Từ trước đó anh chị đã có mâu thuẫn, anh T không cho chị

Th giao thiệp, tiếp xúc với mọi người bên ngoài, kể cả gia đình ba mẹ, anh chị của chị Th. Anh T đi làm có thu nhập nhưng không chăm lo cho gia đình. Anh T thường xuyên đi uống rượu bia bên ngoài rồi về nhà kiếm chuyện chửi mắng chị Th. Thời gian dài chị Th phải chịu đựng như vậy nên cảm thấy quá mệt mỏi về tinh thần. Từ đầu tháng 02/2025, chị Th về nhà cha mẹ ruột tại xã Đ5 sinh sống cho đến nay, vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Các con ở cùng với anh T. Nay, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th làm đơn này yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Trần Kim Th1, sinh ngày 21/12/2012, Nguyễn Trần Ánh T1, sinh ngày 14/4/2019 và Nguyễn Trần Minh Th2, sinh ngày 14/3/2024. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 28/02/2025, bị đơn anh Nguyễn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Trần Thị Minh Th tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng hơn 01 năm thì đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà cha mẹ anh T ở thị trấn Đức Tài. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Chỉ có 01 lần vào cuối năm 2024, chị Th đi qua nhà cha mẹ ruột ăn cơm nhưng đã trễ mà không thấy về nên anh T đến tìm và có lớn tiếng kêu chị Th về. Ngoài ra, anh T cũng có nghi ngờ ghen tuông nên có lúc đi uống rượu bia về anh T có gây gổ la lối với chị Th. Từ giữa tháng 02/2025, chị Th về nhà cha mẹ ruột tại xã Đ5 sinh sống cho đến nay, anh T không biết lý do vì sao chị Th làm như vậy. Các con ở cùng với anh T. Bản thân anh T nhận thấy anh T không có lỗi gì.

Nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Minh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Trần Kim Th1, sinh ngày 21/12/2012, Nguyễn Trần Ánh T1, sinh ngày 14/4/2019 và Nguyễn Trần Minh Th2, sinh ngày 14/3/2024. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Vì không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 19/02/2025, Tòa án xác minh với cha ruột của anh T là ông Nguyễn Đoàn về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống giữa chị Trần Thị Minh Th và anh Nguyễn T và được cung cấp: Anh T và chị Th sau khi kết hôn thì chuyển về sinh sống gần nhà ông Đoàn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vả, nguyên nhân là do anh T hay uống rượu không lo kiếm việc làm. Có lần do uống rượu say xỉn về bực tức anh T có đánh chị Th, vì vậy, vào tháng 02/2025, chị Th đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Thấy rằng năm 2011, chị Th, anh T kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B, do đó hôn nhân là hợp pháp. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th, anh T đã trầm trọng thể hiện ở việc vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống, chị Th kiên quyết ly hôn do thường bị chửi bới, đánh đập, anh chị đã không còn sống chung từ nhiều tháng nay, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết là có cơ sở.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 16/4/2025 và ngày 24/4/2025 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh Th và anh Nguyễn T tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14 tháng 10 năm 2011, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Căn cứ vào lời khai của chị Th, anh T và tài liệu thu thập, cuộc sống vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn cãi vả từ năm 2024, đỉnh điểm là thời gian tháng 02 năm 2025, khi anh T đi uống rượu say xỉn về có đánh chị Th, dẫn đến việc chị Th về nhà cha mẹ ruột tại xã Đ5 sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm nhau, không cùng nhau chăm sóc con chung. Như vậy, có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh T đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Trần Kim Th1, sinh ngày 21/12/2012, Nguyễn Trần Ánh T1, sinh ngày 14/4/2019 và Nguyễn Trần Minh Th2, sinh ngày 14/3/2024. Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của chị Trần Thị Minh Th đối với anh Nguyễn T. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Minh Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh Th đối với anh Nguyễn T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh Th được ly hôn với anh Nguyễn T.

1.2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Trần Kim Th1, sinh ngày 21/12/2012, Nguyễn Trần Ánh T1, sinh ngày 14/4/2019 và Nguyễn Trần Minh Th2, sinh ngày 14/3/2024. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Minh Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005148 ngày 24/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Trần Thị Minh Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND thị thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**Phan Thị Mỹ Dung**